Kiểm soát chặt chẽ tín dụng góp phần kiềm chế lạm phát

THƯ TRƯỜNG

Lạm phát cao từ nửa cuối năm 2007 tới nay (5 tháng đầu năm 2008 đã đạt mức 15,96%) là vấn đề hết sức nan giải đối với kinh tế Việt Nam hiện nay. Có thể đưa ra nhiều nguyên nhân khách quan như giá dầu mỏ và giá nguyên liệu trên thế giới tăng cao, thiên tai liên tiếp xảy ra. Tuy nhiên, theo nhận định của nhiều chuyên gia kinh tế và các tổ chức có uy tín trên thế giới, các nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ trong nước.

Những nguyên nhân từ trong nước

Một trong những nguyên nhân được kể đến đầu tiên là tăng trưởng tín dụng quá nhanh. Những năm trước, bình quân hàng năm chỉ tăng trên 20%, nhưng năm 2007 lượng tín dụng đã tăng lên 37% đã làm tăng lượng tiền cung ứng trong lưu thông, đặc biệt là vốn tín dụng đầu tư vào kinh doanh bất động sản và đầu tư kinh doanh chứng khoán.

Chỉ riêng ở thành phố Hồ chí Minh, các ngân hàng đã đầu tư vào kinh doanh bất động sản lên đến trên 50.000 tỷ đồng. Tình trạng này khiến cho giá nhà đất tăng lên chóng mặt, hiện tượng sốt nhà, sốt đất giả tạo kéo dài âm ỉ suốt từ nhiều năm không chỉ ở thành phố Hồ chí Minh mà khu vực Hà Nội, Hà Đông cũng diễn ra khá phổ biến.

Cùng với đó, việc đầu cơ nhà đất ngày càng trở nên phổ biến, tệ nạn mua bán kiếm lời làm cho thị trường nhà đất nóng lên. Đáng chú ý là nhiều căn hộ ở các khu chung cư được sang tên từ chủ này đến chủ khác, có những khu nhà bỏ không hoang hoá không có người ở trong nhiều năm. Nhiều dự án đã được quy hoạch làm các khu chung cư, khu công nghiệp ở các thành phố đã lấy hàng trăm ha đất canh tác của dân đang trồng lúa nhưng lại không được triển khai kịp thời mà để hoang hoá, lãng phí tài nguyên đất.

Hơn nữa, các ngân hàng thương mại đua nhau mở ra, cạnh tranh khốc liệt khiến cho hoạt động này vốn đã không mấy sáng sủa lại càng thêm khó khăn hơn. Việc các công ty kinh doanh chứng khoán mọc lên như nấm, ngay cả trong thời điểm thị trường chứng khoán đang ở trong trạng thái "sốt lạnh", thu hút lượng vốn không nhỏ từ các tập đoàn, các tổng công ty muốn đa dạng hóa hoạt động kinh doanh cũng khiến cho nguồn tín dụng và lượng cung tiền tăng lên.

Bên cạnh đó, tình trạng đầu tư không hiệu quả cộng với tệ nạn tham nhũng, lãng phí cũng đã làm cho lạm phát tăng cao. Hơn 10 năm qua, Nhà nước ta đã đầu tư với khối lượng vốn khá lớn để từng bước đưa nền kinh tế tiến kịp với các nước trong khu vực. Tuy vậy, nếu quá chú trọng tăng trưởng về lượng mà không chú ý về chất và hiệu quả sẽ có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường.

Bản chất của tín dụng ngân hàng theo lý luận kinh điển của Mác, tín dụng tạo tiền là T-H-T', nguồn gốc xuất xứ của tiền tín dụng ngân hàng là tiền đưa vào lưu thông phải có vật

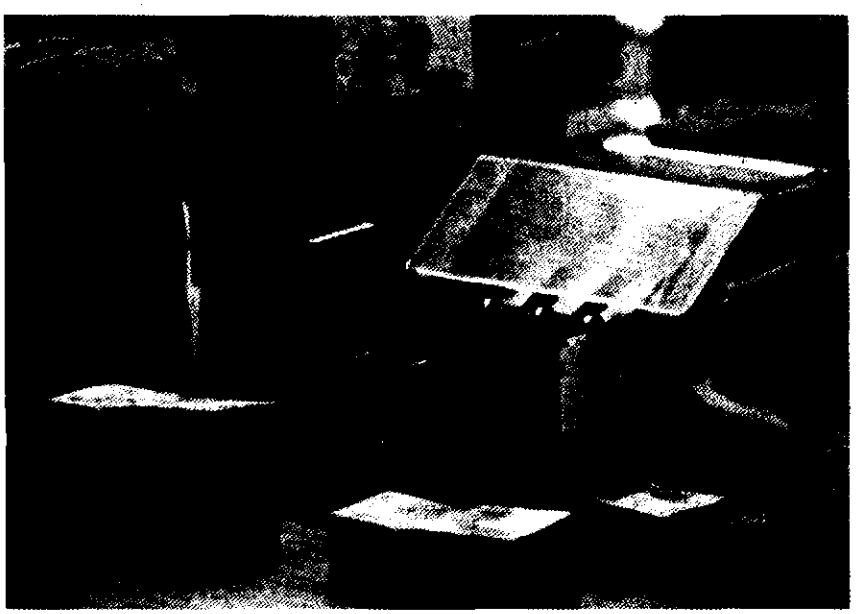

Tín dụng tăng mạnh là một trong những nguyên nhân của lạm phát

tư tương đương làm đảm bảo nợ vay, phải phục vụ phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Nguyên chính của lạm phát luôn luôn gắn liền với tổng lượng tiền cung ứng. Thực tế cho thấy, diễn biến của thị trường tiền tệ khá phức tạp theo chiều hướng tăng chỉ số giá tiêu dùng biểu hiện lượng tiền cung ứng nhiều hơn so với khối lượng hàng hoá trong lưu thông.

Kiểm soát tín dụng để kiềm chế lạm phát

Để góp phần kiềm chế lạm phát và ổn định nền kinh tế vĩ mô, theo tác giả, cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, điều hành hoạt động tín dụng ngân hàng ở mức tăng trưởng theo chỉ đạo của Chính phủ tối đa 30% nhưng phải đáp ứng yêu cầu vốn cho tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trước mắt tập trung đầu tư đối với các dự án đã ký với các doanh nghiệp nhưng còn dở dang để sớm đưa các công trình này vào sử dụng để phát huy hiệu quả. Tăng cường kiểm soát nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng theo chuẩn mực quốc tế. Chính phủ đã có những thay đổi theo đúng hướng, Ngân hàng Nhà nước đã vào cuộc với một biện pháp cứng rắn: Nâng dự trữ bắt buộc; thắt chặt cho vay chứng khoán; cảnh báo về cho vay bất động sản, tăng lãi suất tái cấp vốn, tăng lãi suất cơ bản, đến buộc các ngân hàng thương mại mua tín phiếu do Ngân hàng Nhà nước phát hành.

Thứ hai, các giải pháp chính sách tài chính, tiền tệ, tín dụng phải tiếp tục tạo điều kiện phát triển lành mạnh thị trường bất động sản. Cần tập trung giải pháp chống đầu cơ bất động sản, thông qua việc kiểm soát tín dụng, chính sách thuế, kết hợp với những biện pháp hành chính cần thiết. Các Bộ, ngành và địa phương liên quan cần điều chỉnh quy hoạch, rà soát các danh mục đầu tư, dự án ...để tăng nguồn cung bất động sản. Đối với các dự án tốt, đầu tư đúng và lành mạnh ngân hàng tiếp tục cho vay. Nếu có biểu hiện găm giữ, đầu cơ mua đi bán lại thì phải thu hồi vốn và kiên quyết xử lý nhất là các doanh nghiệp nhà nước không có chức năng tham gia vào thị trường này. Đẩy mạnh tăng cung cho thị trường để giải quyết nhu cầu về nhà ở, phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp.

Tăng trưởng tiền tệ và tín dụng của Việt Nam

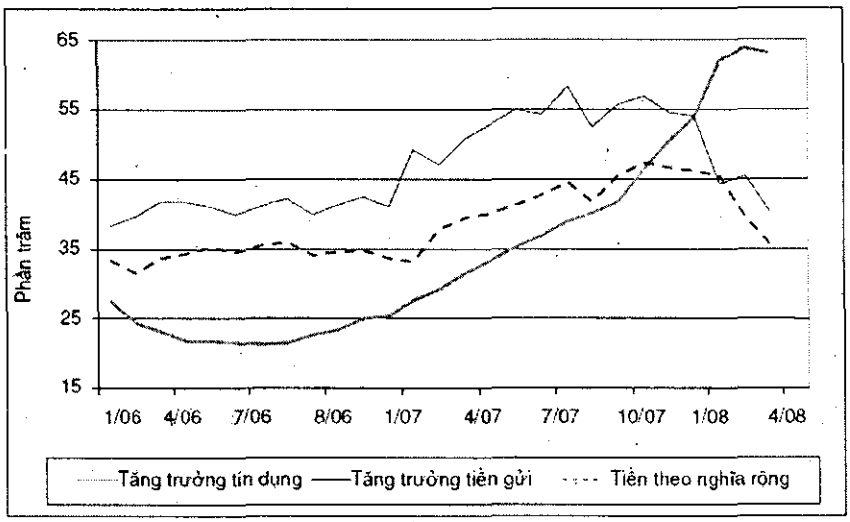

Nguồn: Theo số liệu của NHNN và IMF.

Thứ ba, Ngân hàng Nhà nước phải tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc cho vay kinh doanh bất động sản của các ngân hàng thương mại tập trung nhất là đối với hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần. Trong đó có những ngân hàng cổ phần mới thành lập tranh thủ chiếm lĩnh thị trường, chiếm lĩnh khách hàng để mở rộng cho vay, ảnh hưởng lớn tới lượng tiền đưa ra lưu thông. Việc dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản chỉ nên tập trung khống chế giới hạn dưới 10% và cho vay đầu tư chứng khoán không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng. Nếu vượt trên số đó kiên quyết thu hồi.

Thứ tư, Nhà nước phải có cơ chế quản lý thị trường bất động sản chặt chẽ, hiệu quả tránh tình trạng sốt nhà, sốt đất một cách giả tạo. Trước mắt nên hạn chế xây dựng các khu chung cư mới, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để giành phần đất cho sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia nếu không trong một vài năm tới sẽ xảy ra thiếu lương thực là nguy cơ bất ổn đối với đời sống an sinh xã hội để vừa đảm bảo nhu cầu về lương thực thực phẩm cho toàn xã hội vừa góp phần kiềm chế lạm phát.

Riêng đối với thị trường chứng khoán, đây là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nên cần nhận được sự quan tâm lớn hơn. Không thể mở rộng tín dụng, nhưng cũng không thể bỏ mặc thị trường. Các cơ quan quản lý cần có những chính sách thích hợp hơn để có thể tăng niềm tin nơi các nhà đầu tư đang tham gia trên thị trường chứng khoán.

Hiện nay trên cả nước có đến gần 100 công ty chứng khoán đang hoạt động, trong khi quy mô của thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ở mức rất khiêm tốn. Vậy làm thế nào để thu hút được khách hàng, làm thế nào để cạnh tranh và tồn tại, đây là bài toán đặt ra đối thị trường

chứng khoán còn non trẻ ở nước ta nói riêng và với thị trường tài chính tiền tệ hiện nay nói chung.

Từ một khía cạnh khác, tiền đầu tư vào kinh doanh chứng khoán không trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội mà thông qua hình thức đầu tư trung gian nó chỉ góp phần làm tăng thêm nguồn vốn để tái đầu tư cho nền kinh tế. Chính vì vậy, cũng cần phải có các đối sách thích hợp để phát huy hết lợi thế của các nguồn vốn gián tiếp này, đặc biệt là trong bối cảnh lạm phát cao hiện nay.

Thực tế cho thấy, mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều biện pháp để ổn định thị trường tiền tệ, nhưng kể từ khi thị trường chứng khoán phát triển sôi động đã thu hút được nguồn vốn khá lớn từ các tổ chức và cá nhân.

Mục tiêu đề ra kiểm soát lạm phát ở mức thấp hơn tăng trưởng kinh tế nhưng nhiều yếu tố khách quan và chủ quan hiện nay khiến cho mục tiêu này gần như bất khả thi. Vật tư thiết yếu cho đầu vào của nhiều ngành sản xuất như: xăng dầu, phân bón, phôi thép mà nước ta phải nhập khẩu với khối lượng lớn tiếp tục tăng ở mức cao đã đẩy giá nhiều mặt hàng tăng lên; bên cạnh đó nền kinh tế nước ta đang phải đối mặt với với những khó khăn như thiên tai, dịch bệnh ở gia súc, gia cầm... Chính vì vậy, nhất thiết phải có sự can thiệp của Nhà nước bằng những chính sách hợp lý và kịp thời. Ngân hàng Nhà nước đã có những có những biện pháp chỉ đạo chặt chẽ về cho vay kinh doanh đầu tư chứng khoán và có vẻ như chính sách này đang có những phản hồi tích cực.

Các tổ chức tín dụng phải khống chế dư nợ cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán dưới 3% tổng dư nợ bao gồm: Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá đối với các công ty chứng khoán, cho vay cầm cố bằng chứng khoán hoặc bằng tài sản khác để đầu tư, kinh doanh chứng khoán đối với các tổ chức và cá nhân; chiết khấu giấy tờ có giá đối với tổ chức cá nhân để đầu tư kinh doanh chứng khoán. Các chính sách này cộng với diễn biến trên thị trường chứng khoán cho thấy tại đây sẽ khó xảy ra những cơn "sốt nóng ".

Tuy vậy, về phía Ngân hàng Nhà nước, đây được coi là biện pháp chỉ đạo cảnh báo, lo xa cho các ngân hàng thương mại để tránh bị rủi ro. Trong khi đó, đối với các ngân hàng thương mại, hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường là lời ăn, lỗ chịu lẽ đương nhiên nên họ ít quan tâm đến tình hình lạm phát của nền kinh tế.

Để giải quyết được mâu thuẫn này, cần thực hiện một số vấn đề dưới đây:

Trước hết về phía Ngân hàng Nhà nước, không nên thả nổi các ngân hàng thương mại và cũng không nên khống chế chặt chẽ đối với đối tượng này. Điều cần làm là phải tổ chức kiểm tra thường xuyên theo dõi, cập nhật hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng đối với từng khách hàng cụ thể. Phải biến kênh thông tin này thật sự là "tai mắt" của Lãnh đạo bởi vì nó rất nhạy cảm, mang tính thị trường đang diễn ra hàng ngày. Ngoài việc phải chấp hành cơ bản các nguyên tắc của tín dụng như tiền vay phải có vật tư tương đương làm đảm bảo nợ vay, theo định kỳ tổ chức tín dụng phải phân loại khách hàng, loại mới cho vay, loại đã cho vay từ trước, đối tượng cho vay là những tư thương hay cán bộ công nhân viên chức nhà nước để theo dõi sát và thu nợ kịp thời cần tập trung vào những món nợ cũ và có hồ sơ cụ thể đối với từng khách hàng. Mục tiêu cuối cùng là phải đảm bảo an toàn tài sản, không bị rủi ro, theo quy định tại Quyết định số 457/ QĐ/NHNN của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Đồng thời, nên đưa ra mức sàn về mức dư nợ cho vay đầu tư chứng khoán để các rổ chức tín dụng tự điều chỉnh cho phù hợp. Với mục tiêu kinh doanh là lợi nhuận thì ngân hàng nào cũng muốn mở rộng cho vay để tăng trưởng tín dụng, chiếm lĩnh thị trường. Đối với ngân hàng thương mại đã thành lập từ lâu, do đã xây dựng được hệ thống khách hàng truyền thống thì việc cho vay kinh doanh đầu tư chứng khoán có thể chiếm tỷ trọng nhỏ và rất rè rặt, thận trong cho vay vì họ đã có bề dày kinh nghiệm, hoạt động trong nhiều năm. Nhưng ngược lại đối với những khách hàng mới thành lập như các ngân hàng cổ phần mới chuyển đổi mô hình hoạt động thì việc mở rộng thị trường đầu tư tín dụng, mở rộng đối tượng cho vay kinh doanh đầu tư chứng khoán là một cơ hội lớn và không phải là dễ đến để tìm lợi nhuận.

Ngoài ra, cần tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu kho bạc và tín phiếu kho bạc để hút tiền từ lưu thông về, tăng cường quản lý giám sát điều hoà thị trường chứng khoán phát triển bền vững. Phát triển mạnh mẽ hơn nữa thị trường trái phiếu doanh nghiệp là kênh huy động vốn rất quan trọng trong sự phát triển của thị trường vốn của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Từ năm 1994, việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và thị trường trái phiếu doanh nghiệp bắt đầu hình thành. Năm 2006 đánh dấu bước ngoặt cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam, chủ thể phát hành trái phiếu không chỉ là các doanh nghiệp lớn như trước đây mà còn có các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với các nguyên tắc chung là các doanh nghiệp tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm và công khai minh bạch thông tin. ❑